TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 10-7-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Huỳnh Sơn Tây.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 41/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyếtđưa vụ án ra xét xử số 49/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 2000; địa chỉ: 4 ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (Nay là 46/23 ấp T, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh). Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; thường trú: Tổ G, ấp C, xã C, huyện L, tỉnh Đồng Nai (Nay là tổ G, ấp C, xã X, tỉnh Đồng Nai); tạm trú: Nhà trọ Nguyễn Kiên T1, tổ F, khu phố E, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là tổ F, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T tìm hiểu nhau gần 06 tháng thì bà N có thai nên tiến tới hôn nhân. Ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P,

Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 20/9/2023 theo Trích lục kết hôn số 650/TLKH-BS ngày 20/9/2023.

Sau khi kết hôn, vợ chồng không sống chung với nhau nên tình cảm vợ chồng không có và ông T không quan tâm đến vợ con. Bà N nhận thấy cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, không ai còn quan tâm chăm sóc cho nhau nữa nên bà N yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Khi ly hôn, bà N yêu cầu được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 19/11/2023.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Nguyên nhân bà N yêu cầu ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không còn sống chung với nhau và không quan tâm chăm sóc cho nhau. Về con chung: Giao con chung cho bà N nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát,

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Nguyễn Văn T nên đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Văn T có địa chỉ tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào những tài

liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T là những người đủ điều kiện kết hôn; ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 20/9/2023 theo Trích lục kết hôn số 650/TLKH-BS ngày 20/9/2023 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Bà N yêu cầu ly hôn với ông T do vợ chồng không còn sống chung với nhau và không quan tâm chăm sóc cho nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Bà N yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 19/11/2023. Xét thấy, yêu cầu của bà N là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 146, 147, 227, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Nguyễn Văn T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Phương A, sinh ngày 19/11/2023 cho bà Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu ông Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Văn T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016079 ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Đồng Nai).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Hồng Thêm